TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HẢI CHÂU** **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 04/03/2022
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hồ Thị Mỹ Dung

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Phạm Xoa và ông Huỳnh Thanh Trà.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ly Na - Kiểm sát viên.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Tuyết Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Trong ngày 04 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2021 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01A/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2022 và thông báo thay đổi thời gian xét xử số 105/TB-TA ngày 25 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Cao Thị Lệ H** - Sinh năm 1973. Nơi ĐKHKTT: Số 107 T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ liên hệ: K85/7 P, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn Đ** - Sinh năm 1965. Nơi ĐKHKTT và chổ ở: Số 107 T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 30/9/2021, bản tự khai và tại phiên tòa bà Cao Thị Lệ H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Cao Thị Lệ H và ông Nguyễn Văn Đ đăng ký kết hôn vào năm 1998 tại UBND phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại 107 T, Đà Nẵng.Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không cùng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, ông Đ

ít dành thời gian cho gia đình. Vợ chồng đã có thời gian dài sống ly thân để ông Đ suy nghĩ lại. Tuy nhiên, mâu thuẫn vợ chồng vẫn không thể khắc phục. Đến nay bà H xác định không còn tình cảm yêu thương với ông Đ do đó, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà H được ly hôn với ông Đ.

- Về quan hệ con chung: Bà H xác định bà và ông Đ có 02 con chung tên là Nguyễn Cao Tú U – sinh ngày 08.5.1999 và Nguyễn Cao Thục U1 – sinh ngày 11.12.2006. Ly hôn, bà H yêu cầu tòa án giải quyết giao con chung Nguyễn Cao Thục U1 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Bà không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung Nguyễn Cao Tú U đã trên 18 tuổi và phát triển bình thường nên bà H không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà H xác định không có nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án đã triệu tập để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng ông Đ vắng mặt không có lý do. Ngày 20/01/2022, Tòa án nhận được bản tự khai của ông Nguyễn Văn Đ đề ngày 06/12/2021 trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đ thống nhất với bà H về thời gian và điều kiện kết hôn. Ông Đ xác định giữa ông và bà H có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đặc thù công việc của ông hay đi xa nhà, ít có thời gian chăm sóc gia đình nên tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Vợ chồng đã cố hàn gắn nhưng không có kết quả. Hiện nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn ông Đ đồng ý ly hôn với bà H.

- Về quan hệ con chung: Ông Đ xác định có 02 con chung tên là Nguyễn Cao Thục U– sinh ngày 11.12.2006 và Nguyễn Cao Tú U1 – sinh ngày 08.5.1999. Ly hôn, ông Đ đồng ý giao con Nguyễn Cao Thục U1 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000đ cho đến khi con học xong đại học. Đối với con chung Nguyễn Cao Tú U đã trên 18 tuổi nên ông không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông Đ không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Đ xác định không có nợ chung.

Kết quả xác minh ngày 07/01/2022 tại tổ dân phố nơi bà H, ông Đ sinh sống xác định, quá trình chung sống tại địa phương không nắm rõ nguyên nhân mâu thuẫn của bà H, ông Đ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định

của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Nguyễn Văn Đ vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị HĐXX tiếp tục xét xử vắng mặt bị đơn. Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn, nuôi con chung là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điều 56, điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng**: Yêu cầu xin ly hôn của bà Cao Thị Lệ H đối với ông Nguyễn Văn Đ là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Hải Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Do bị đơn ông Nguyễn Văn Đ đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] **Về nội dung tranh chấp:** Ông Nguyễn Văn Đ và bà Cao Thị Lệ H đăng ký kết hôn vào năm 1998 tại UBND phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Xét yêu cầu của bà H thì thấy: Quá trình chung sống, do tính tình, quan điểm sống không phù hợp, dẫn đến ông Đ, bà H mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc. Tại phiên tòa, mặc dù Hội đồng xét xử đã phân tích pháp lý và tình cảm cho bà H nhưng bà H xác định không còn tình cảm, không thể sống chung với ông Đ và vẫn kiên quyết xin ly hôn. Về phía ông Đ cũng đã trình bày ý kiến tại văn bản đề ngày 06/12/2021 thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và đồng ý thuận tình ly hôn với bà H. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông Đ đã mâu thuẫn kéo dài và trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H đối với ông Đ là phù hợp với Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: Xét yêu cầu của bà H về việc giao con chung Nguyễn Cao Thục U1 – sinh ngày 11.12.2006 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng thì thấy ông Đ cũng đã có văn bản thể hiện ý kiến giao con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Nguyễn Cao Thục U1 cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ nên cần

tiếp tục giao cho bà H nuôi con để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu, phù hợp với quy định tại điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của ông Đ mỗi tháng 5.000.000đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Đối với con Nguyễn Cao Tú U – sinh ngày 08.5.1999 đã trưởng thành và phát triển bình thường nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà H, ông Đ không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên HĐXX không đề cập đến.

[6] Về nợ chung: Bà H, ông Đ xác định vợ chồng không có nợ chung nên HĐXX không đề cập đến.

[7] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Cao Thị Lệ H phải chịu theo quy định của pháp luật. Án phí về cấp dưỡng nuôi con định kỳ ông Nguyễn Văn Đ phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Lệ H về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" đối với ông Nguyễn Văn Đ.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Cao Thị Lệ H được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Nguyễn Cao Thục U1 – sinh ngày 11.12.2006 cho bà Cao Thị Lệ H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Văn Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000đ kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con Nguyễn Cao Thục U đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Đ không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng ông Đ còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Các bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trược tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không đề cập đến

4. Về nợ chung: Không đề cập đến.

5 . Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà Cao Thị Lệ H phải chịu nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí HNGĐ bà H đã nộp theo biên lai thu số 0000352 ngày 01/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con định kỳ là 300.000 đồng ông Nguyễn Văn Đ phải chịu.

6. Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hồ Thị Mỹ Dung

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *VKSND quận Hải Châu;*
- *UBND phường Thạch Thang (Số đk 118, ngày 25/11/1998);*
- *Chi cục THADS quận Hải Châu*
- *Lưu hồ sơ.*